

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÂM HÀ  
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 74/2024/DS-ST

Ngày: 24-7-2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân  
sự mua bán tài sản.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Ngô Thị Luân;
- Bà Lại Thị Thu Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Lê Văn Cường là thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2024/TLST-DS ngày 21/5/2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 51/2024/QĐST-DS ngày 16/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH D2.

Trụ sở: thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức D – chức vụ: Giám đốc công ty TNHH D2.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh D1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: F, Nguyễn Công C, phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: thôn N, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thái S, sinh năm 1962.

Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền lập ngày 22/7/2024. Có mặt tại phiên tòa.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Minh D1 thì: giữa Công ty TNHH D2 và bà Trần Thị L trước đây đã nhiều lần hợp tác mua bán cà phê với nhau, hai bên vẫn giao và nhận đủ số lượng hàng hóa như đã thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký kết trước đó.

Ngày 09/10/2023 tại trụ sở Công ty TNHH D2 có ông Phan Đức D là Người đại diện pháp luật cùng với bà Trần Thị L có ký kết "Hợp đồng mua bán cà phê số 13/23-DD", sau khi bàn bạc và thống nhất tổng số lượng cũng như giá bán. Hợp đồng được ký kết dựa trên tinh thần tự nguyện giữa hai bên, đúng pháp luật. Số lượng cà phê hai bên thỏa thuận theo hợp đồng là 50.000 kg với đơn giá 55.600đ/kg. Trong khoảng thời gian chờ giao hàng thì bên Công ty TNHH D2 (ông Phan Đức D) luôn có thiện chí và dành riêng khoản tiền để thanh toán hợp đồng đúng hạn và nếu trong trường hợp giá cà phê tại thời điểm giao hàng thấp hơn giá bán thì bên công ty vẫn sẽ nhận hàng và thanh toán đầy đủ cho bên bà Trần Thị L. Theo điều 4 của hợp đồng số: 13/23-DD ký ngày 09/10/2023 hai bên cam kết: nếu bên bà L giao hàng trễ hơn thời gian quy định thì phải có sự thỏa thuận của cả hai bên, trong trường hợp: "Nếu giá thị trường tại thời điểm giao hàng cao hơn giá bán đã được 2 bên ký kết mà bên B(bà L) không giao hàng thì bên B(bà L) phải chịu bồi thường cho bên A(công ty TNHH D2) theo giá chênh lệch hiện tại giữa giá thị trường và giá đã ký kết trên hợp đồng".

Đến tháng 12/2023 công ty TNHH D2 có liên hệ nhắn tin cho bà L để hỏi thời gian giao hàng thì bà L vẫn đồng ý và hứa hẹn sẽ giao hàng đúng như thỏa thuận. Ngày 30/12/2023 bà L có giao cho công ty TNHH D2 số lượng cà phê là 2.235,5 kg theo như hợp đồng đã ký và công ty TNHH D2 cũng đã thanh toán số tiền là 124.293.800đ (một trăm hai tư triệu hai trăm chín ba ngàn tám trăm đồng). Đến ngày hết ngày 31/12/2023, công ty TNHH D2 có chuyển khoản cho bà L tổng cộng 152.293.000đ (một trăm năm mươi hai triệu hai trăm chín ba ngàn đồng). Trong đó có 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng) là số tiền bà L giao dư số lượng cà phê trong hợp đồng mua bán lần trước nên công ty TNHH D2 đã chuyển khoản thêm cho bà L số tiền trên. Sau đó, công ty TNHH D2 có gọi cho bà L để hỏi xem nhận được tiền chưa thì không thấy bà L nghe điện thoại, nhắn tin cũng không thấy trả lời. Theo như hợp đồng thì thời gian giao hàng từ tháng 11/2023 đến tháng 12/2023. Hạn cuối là ngày 31/12/2023, tuy nhiên vì giá cafe tăng cao cho nên bà Trần Thị L vẫn không giao đủ số lượng cà phê như đúng thỏa thuận. Căn cứ vào <https://congthuong.vn/gia-ca-phe-hom-nay-ngay-31122023-ca-phe-trong-nuoc-giam-manh-trong-ngay-cuoi-cung-cua-nam-295148.html> thì tại thời điểm ngày 31/12/2023 giá cafe tại L là 67.400đ/kg. Tính đến hết ngày 31/12/2023 bà Trần Thị L không giao cho công ty TNHH D2 số lượng cà phê là 47.764,5 kg còn lại theo hợp đồng. Theo như cam kết của hợp đồng thì giá chênh lệch tính đến hết ngày 31/12/2023 là 11.800đ/kg. Như vậy, bà L phải bồi thường thiệt hại cho công ty TNHH D2 tương ứng với số lượng cà phê mà bà L chưa giao là 47.764,5 kg x 11.800đ/kg = 563.621.100đ (năm trăm sáu ba triệu sáu trăm hai một ngàn một trăm đồng). Nay, công ty yêu cầu Tòa án giải quyết

buộc bà **Trần Thị L** phải bồi thường thiệt hại cho **Công ty TNHH D2** do vi phạm hợp đồng với số tiền là 563.621.100đ (năm trăm sáu ba triệu sáu trăm hai một ngàn một trăm đồng). Ngoài ra, **công ty TNHH D2** không yêu cầu gì thêm.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – ông Nguyễn Thái S trình bày:* bị đơn bà **Trần Thị L** thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về nội dung hợp đồng mua bán hàng hóa thỏa thuận về số lượng, giá cả và thời hạn thanh toán. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà **L** đã giao cho **công ty TNHH D2** 2.235,5kg cà phê nhân và bà **L** đã được **công ty TNHH D2** thanh toán đủ tiền đối với số lượng cà phê đã giao trên theo thỏa thuận của hợp đồng. Lý do, đến hạn giao cà phê ngày 31/12/2023, bà **L** không giao đủ số lượng cà phê nhân còn thiếu là 47.764.5 kg cho **công ty TNHH D2** là do bà **L** không được công ty cho ứng trước tiền để thu mua cà phê trong dân mặc dù bà **L** đã trao đổi với **công ty TNHH D2** thông qua điện thoại, hơn nữa thời điểm này giá cà phê tăng đột biến từng ngày nên bà **L** không dám chốt mua của người dân. Qua yêu cầu khởi kiện của **công ty TNHH D2** thì bà **L** không đồng ý bồi thường cho **công ty TNHH D2** số tiền là 563.621.100đ, lý do bà **L** cho rằng việc bà **L** không giao đủ số lượng cà phê còn thiếu cho **công ty TNHH D2** thực tế không gây thiệt hại cho **công ty TNHH D2** vì hợp đồng mua bán hàng hóa giữa **công ty TNHH D2** với **công ty TNHH V** có thể chỉ là giả cách. Ngoài ra, ông **S** không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải nhưng bà **L** vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **Trần Thị L** phải bồi thường cho **công ty TNHH D2** số tiền là 400.000.000đ, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà **Trần Thị L** phải bồi thường số tiền là 163.621.100đ. Bị đơn bà **Trần Thị L** không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn, do vậy không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **công ty TNHH D2**, buộc bà **L** phải bồi thường cho **công ty TNHH D2** số tiền là 400.000.000đ. Về án phí, buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nhưng có người đại diện theo ủy quyền nên áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:*

**Công ty TNHH D2** khởi kiện yêu cầu bà **Trần Thị L** phải bồi thường hợp đồng với số tiền là 563.621.100đ. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” giữa nguyên đơn **công ty TNHH D2** với bị đơn bà **Trần Thị L**; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo nội dung nội dung hợp đồng mua bán số 13/23-DD lập ngày 09/10/2023 giữa **công ty TNHH D2** và bà **Trần Thị L**, hai bên thỏa thuận: bên A (**công ty TNHH D2**) đồng ý mua của bên B (bà **Trần Thị L**) 50.000kg cà phê Robusta nhân xô với giá 55.600đ/kg.

Ngày 30/12/2023, bà **L** đã giao cho **công ty TNHH D2** số lượng cà phê nhân là 2.235,5kg, **công ty TNHH D2** đã thanh toán cho bà **L** số tiền là 124.293.800đ, bà **L** còn nợ lại **công ty TNHH D2** số lượng cà phê nhân chưa giao cho **công ty TNHH D2** là 47.764,5 kg. Nội dung này, bị đơn đã thừa nhận nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đồng thời, tại mục 2 Điều 4 của Hợp đồng thỏa thuận thời hạn giao hàng: “*từ tháng 11/2023 đến tháng 12/2023. Hạn cuối giao hàng là ngày 31/12/2023. Nếu bên B có nhu cầu giao hàng trễ hơn thời gian quy định thì phải có sự thỏa thuận của 2 bên.*”

*Trong trường hợp:*

+ *Nếu giá thị trường tại thời điểm giao hàng cao hơn giá đã được hai bên ký kết mà bên B không giao hàng thì bên B phải chịu bồi thường cho bên A theo giá chênh lệch hiện tại giữa giá thị trường và giá đã ký kết trên hợp đồng”.*

Đến hạn giao hàng ngày 31/12/2023, bà **L** không giao đủ số lượng cà phê còn thiếu là 47.764,5 kg còn lại theo hợp đồng mua bán hàng hóa nhưng không có thỏa thuận nào khác giữa **công ty TNHH D2** và bà **L** về việc giao hàng trễ.

Bà **L** cho rằng: quá trình thực hiện hợp đồng, bà **L** không được ứng tiền trước để thu mua cà phê trong dân mặc dù bà **L** đã trao đổi với **công ty TNHH D2** thông qua điện thoại. Hơn nữa, việc bà **L** không giao đủ số lượng cà phê còn nợ cho **công ty TNHH D2** thực tế không gây thiệt hại cho **công ty TNHH D2** vì hợp đồng mua bán hàng hóa giữa **công ty TNHH D2** với **công ty TNHH V** có thể chỉ là giả cách. Ý kiến này của bà **L** là không phù hợp, bởi lẽ trong hợp đồng mua bán hàng hóa, các bên không thỏa thuận với nhau về nội dung bà **L** được quyền ứng trước tiền, bà **L** cũng không chứng minh được việc bà **L** có đề nghị **công ty TNHH D2** cho ứng tiền nhưng không được **công ty TNHH D2** đồng ý.

Theo tra cứu giá cà phê tại thời điểm ngày 31/12/2023 là 67.400đ/kg, chênh lên so với giá hai bên thỏa thuận (55.600đ/kg) là 11.800đ/kg.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 437 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì **công ty TNHH D2** yêu cầu bà **L** phải bồi thường thiệt hại cho **công ty TNHH D2** tương ứng với số lượng cà phê mà bà **L** chưa giao là 47.764,5 kg x 11.800đ/kg = 563.621.100đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **Trần Thị L** phải bồi thường cho **công ty TNHH D2** số tiền là 400.000.000đ, do vậy Hội đồng xét xử cần buộc bà **Trần Thị L** phải bồi thường thiệt hại cho **công ty TNHH D2** số tiền là 400.000.000đ là phù hợp.

Đối với việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà **Trần Thị L** phải bồi thường cho **công ty TNHH D2** số tiền là 163.621.100đ là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện này là phù hợp.

Đối với quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn bà **Trần Thị L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, án phí được tính như sau:  $5\% \times 400.000.000\text{đ} = 20.000.000\text{đ}$ .

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 430, 434, 437 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp đơn khởi kiện của **công ty TNHH D2** về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” với bị đơn bà **Trần Thị L**.

Buộc bà **Trần Thị L** phải bồi thường thiệt hại cho **công ty TNHH D2** số tiền là 400.000.000đ (*bốn trăm triệu đồng*).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải bồi thường số tiền là 163.621.100đ (*một trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm hai mươi một ngàn một trăm đồng*).

3. Về án phí: buộc bà **Trần Thị L** phải chịu 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho **công ty TNHH D2** số tiền 13.272.000đ (*mười ba triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004716 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/7/2024) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hạnh**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hạnh**